



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07473/2024/PKQ (5199.01W2409.1195)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước đầu nguồn Khu B Bệnh viện Việt Nam -
Tình trạng mẫu : Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
Số lượng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Thời gian nhận mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024
Thời gian : 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,24	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	275	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,007	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017	1,39	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,19	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ -E:2017	6	250



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	28	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2409.1195: Mẫu nước đầu nguồn Khu B Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phan Tiến Hưng

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07474/2024/PKQ (5199.01W2409.1196)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước tại bể ngầm Khu B Bệnh viện Việt Nam -
Tình trạng mẫu : Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
Số lượng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Thời gian nhận mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	< 1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ trong khoảng 6,0-8,5
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,4	0,3
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	2
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	300
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	266	0,1
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,008	2
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	1,4	0,05
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,3
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,215	250
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO42-E:2017	6	

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	27	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **TTYTHK02:** Mẫu nước tại bể ngầm Khu B Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC


Vũ Văn Tú


Phan Tiến Hưng


Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07475/2024/PKQ (5199.01W2409.1197)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước vòi sinh hoạt phòng Răng tầng 1 Khu B)
Tình trạng mẫu : Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số lượng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Thời gian nhận mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024
: 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,9	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	280	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,013	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	1,41	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,257	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ 2-E:2017	6	250

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	28	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **TTYTHK03**: Mẫu nước vôi sinh hoạt phòng Răng tầng 1 Khu B Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, 37 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phan Tiến Hưng

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07476/2024/PKQ (5199.01W2409.1198)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước đầu nguồn tại phòng lấy mẫu Bệnh viện
: Tim Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 27/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	< 1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,63	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	283	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,006	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	1,38	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,192	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO42-E:2017	3	250
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	30	250 (hoặc 300)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **TTYTHK04**: Mẫu nước đầu nguồn tại phòng lấy mẫu Bệnh viện Tim Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Phan Tiến Hưng



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07477/2024/PKQ (5199.01W2409.1199)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước bề ngầm ở phòng lấy mẫu Bệnh viện Tim
Tình trạng mẫu : Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
Số lượng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Thời gian nhận mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024
: 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	< 1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,65	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	262	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,015	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	1,38	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,198	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO42-E:2017	3	250
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	29	250 (hoặc 300)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **TTYTHK05**: Mẫu nước bề ngầm ở phòng lấy mẫu Bệnh viện Tim Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG


Vũ Văn Tú


Phan Tiến Hưng


Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07478/2024/PKQ (5199.01W2409.1200)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
: 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Nước sạch (Mẫu nước vòi sinh hoạt ở phòng lấy mẫu Bệnh viện
: Tim Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
: 01
: 27/09/2024
: 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	< 1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,91	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	305	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,012	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	1,41	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,195	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ 2-E:2017	4	250



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	29	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **TTYTHK06**: Mẫu nước vôi sinh hoạt ở phòng lấy mẫu Bệnh viện Tim Hà Nội, 92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG


Vũ Văn Tú


Phan Tiến Hưng


Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07479/2024/PKQ (5199.01W2409.1201)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm
Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
: 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Nước sạch (Mẫu nước vòi sinh hoạt ở phòng Xquang tầng 1
: PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn
Kiếm, Hà Nội)
: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
: 01
: 27/09/2024
: 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	< 1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ trong khoảng 6,0-8,5
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,62	
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	278	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,010	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	1,41	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,212	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO42-E:2017	4	250

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	30	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **TTYTHK07:** Mẫu nước vôi sinh hoạt ở phòng Xquang tầng 1 PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

Vũ Văn Tú

Phan Tiến Hưng



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07480/2024/PKQ (5199.01W2409.1202)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM
Địa chỉ : 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch (Mẫu nước tại bể ngầm PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình
Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 27/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ trong khoảng 6,0-8,5
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,76	0,3
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	274	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,013	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	1,41	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,202	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ 2-E:2017	4	250



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	28	250 (hoặc 300)

Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **TTYTHK08:** Mẫu nước tại bể ngầm PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phan Tiến Hưng

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07481/2024/PKQ (5199.01W2409.1203)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HOÀN KIẾM

: 47 Hàng Bồ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Nước sạch (Mẫu nước đầu nguồn PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình

: Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội)

: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất

: 01

: 27/09/2024

: 27/09/2024 - 09/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	<1	<1
3.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị ^(c)	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,68	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	0,3
8.	Chỉ số Pecmanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186:1996	<0,5	2
9.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(a)	mg/L	SMEWW 2340B:2017	278	300
10.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,016	0,1
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo Nito) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	1,42	2
12.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	<0,01	0,05
13.	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(a)	mg/L	Us EPA Method 6020A: 1998	0,201	0,3
14.	Sunphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 SO42-E:2017	4	250
15.	Chloride (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B: 2017	28	250 (hoặc 300)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



Ghi chú:

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **TTYTHK09**: Mẫu nước đầu nguồn PKĐK Vietlife, 14 Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được làm theo yêu cầu của khách hàng;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phan Tiến Hưng

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh

